

BỘ QUY TẮC ĐỊNH HƯỚNG CHO NGƯỜI NÔNG DÂN TRONG HỢP ĐỒNG LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ NÔNG SẢN

● ĐỖ THỊ BÔNG^{1*} - NGUYỄN TRƯỜNG TAM¹ - ĐẶNG THỊ NHUNG¹

¹Trường Đại học Tây Nguyên

Email: dtbong@ttn.edu.vn

TÓM TẮT:

Nghiên cứu đề xuất xây dựng Bộ quy tắc định hướng như một cơ chế luật mềm nhằm điều chỉnh hành vi của các bên trong quá trình giao kết, thực hiện và chấm dứt hợp đồng. Bộ quy tắc góp phần tăng cường tính minh bạch, bảo đảm sự cân bằng về quyền và nghĩa vụ giữa các bên, hạn chế việc lạm dụng vị thế trong quan hệ hợp đồng và nâng cao hiệu quả bảo vệ người nông dân. Điểm mới của bài viết là xây dựng khung Bộ quy tắc định hướng dành riêng cho hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản trên cơ sở kết hợp kinh nghiệm quốc tế với điều kiện pháp lý và thực tiễn của Việt Nam. Nghiên cứu khẳng định đây là giải pháp khả thi nhằm hoàn thiện cơ chế bảo vệ bên yếu thế và thúc đẩy phát triển bền vững các mô hình liên kết nông nghiệp.

Từ khóa: hợp đồng, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản, Bộ Quy tắc định hướng.

1. Đặt vấn đề

Nông nghiệp luôn giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, không chỉ bảo đảm an ninh lương thực quốc gia mà còn tạo việc làm, thu nhập cho phần lớn dân cư khu vực nông thôn. Liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, ổn định đầu ra và gia tăng giá trị nông sản. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản (HĐLK SXTTNS) vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, phát sinh không ít tranh chấp và vi phạm cam kết giữa các bên.

Mặc dù về mặt pháp lý, các bên trong hợp đồng

bình đẳng với nhau, nhưng trên thực tế người nông dân thường ở vị thế yếu thế hơn do hạn chế về thông tin, khả năng đàm phán và nguồn lực kinh tế. Trong nhiều trường hợp, người nông dân không được chủ động tham gia xây dựng nội dung hợp đồng, khó nhận diện các rủi ro pháp lý và gặp nhiều trở ngại trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp. Trong khi đó, các quy định pháp luật hiện hành chủ yếu thiết lập khuôn khổ pháp lý chung mà chưa có nhiều công cụ hỗ trợ người nông dân trong suốt quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng.

Các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung vào việc hoàn thiện pháp luật hoặc giải quyết tranh chấp phát sinh từ HĐLK SXTTNS, trong khi việc xây

dựng cơ chế luật mềm nhằm định hướng hành vi và phòng ngừa rủi ro cho người nông dân vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ. Đây là khoảng trống nghiên cứu cần được tiếp tục làm rõ.

Trên cơ sở phân tích bản chất pháp lý của HDLKSXTTNS và vị thế yếu thế của người nông dân trong quan hệ hợp đồng này, bài viết đề xuất xây dựng Bộ quy tắc định hướng dành cho người nông dân như một công cụ luật mềm nhằm hỗ trợ nhận diện rủi ro pháp lý, nâng cao khả năng tự bảo vệ quyền lợi và thúc đẩy sự minh bạch, công bằng trong quan hệ hợp đồng. Điểm mới của nghiên cứu là đề xuất khung Bộ quy tắc định hướng được xây dựng trên cơ sở kết hợp lý luận về bảo vệ bên yếu thế, kinh nghiệm quốc tế và điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết tiếp cận nghiên cứu bảo vệ quyền của người nông dân trong HDLKSXTTNS dưới góc độ bảo vệ quyền con người nói chung và bảo vệ bên yếu thế trong hợp đồng.

Trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, bài viết kết hợp với một số phương pháp nghiên cứu chuyên sâu để thực hiện:

Phương pháp phân tích và bình luận: Phương pháp này được sử dụng để làm rõ một số vấn đề lý luận và pháp lý về HDLKSXTTNS. Thông qua việc phân tích các cơ sở lý luận và quy định pháp luật liên quan. Các kết quả của nghiên cứu lý thuyết sẽ làm nền tảng lý giải có các vấn đề được nhận diện trong thực tiễn và là nguồn cơ sở để đề xuất các giải pháp của bộ quy tắc định hướng cho người nông dân trong HDLKSXTTNS.

Phương pháp lịch sử: Phương pháp này được sử dụng để đánh giá tính hiệu quả của các quy định, chính sách pháp luật liên quan đến HDLKSXTTNS qua từng giai đoạn phát triển của thị trường. Từ đó nhận diện được vấn đề trong bối cảnh hiện đại, làm cơ sở đánh giá pháp luật hiện hành, và tìm các giải pháp pháp lý cho phù hợp với các vấn đề được đặt ra.

Phương pháp so sánh: Trên cơ sở phân tích nội dung của Bộ quy tắc định hướng cho người nông dân trong hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản và đối chiếu với các quy định của pháp luật Việt Nam, bài viết làm rõ cơ chế bảo vệ người nông dân với tư cách là bên yếu thế trong quan hệ hợp đồng, đồng thời nhận diện những khoảng trống pháp lý và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm tăng cường hiệu quả bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của

người nông dân trong hoạt động liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản.

3. Nội dung

3.1. Khái niệm hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành không có quy định cụ thể về HDLKSXTTNS mà chỉ có khung pháp lý điều chỉnh loại hợp đồng này là Bộ luật Dân sự năm 2015 (không có quy định về HDLKSXTTNS) và Nghị định 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp có đề cập tới thuật ngữ Hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nhưng không có định nghĩa cụ thể về loại hợp đồng này.

Thông qua việc ký kết HDLKSXTTNS, người nông dân với doanh nghiệp thỏa thuận về việc tạo ra các sản phẩm nông nghiệp dựa trên các điều kiện về số lượng, chất lượng của doanh nghiệp đưa ra theo cơ chế: doanh nghiệp đầu tư nguyên vật liệu, đầu tư dịch vụ kỹ thuật, thu hoạch và chế biến; còn người nông dân đầu tư công sức, trang trại, ruộng vườn...; theo đó, kết quả bán nông sản sẽ được chia theo tỷ lệ đóng góp hoặc doanh nghiệp sẽ là bên thu mua và có quyền bù trừ giá trị đầu tư của họ dựa trên giá thành của sản phẩm nông sản. Từ đó, có thể hiểu HDLKSXTTNS là sự thỏa thuận của doanh nghiệp và người nông dân, theo đó, người nông dân giao và chuyển quyền sở hữu hàng hoá nông sản cho doanh nghiệp, doanh nghiệp nhận hàng hoá nông sản và thanh toán tiền cho người nông dân có tính đến tỷ lệ đầu tư hợp tác của mỗi bên.

3.2. Tính yếu thế của người nông dân trong hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản

Người nông dân ắt sẽ có vị trí yếu thế hơn so với doanh nghiệp. Đây chính là lý do vì sao người nông dân cần phải được bảo vệ trong quan hệ HDLKSXTTNS. Thông thường, khi giao kết HDLKSXTTNS, doanh nghiệp thường là bên chuẩn bị mẫu hợp đồng và người nông dân được coi là người yếu thế bởi những lý do sau:

- Tự bản thân người nông dân không đủ trình độ học thức và trình độ xã hội, kể cả các kiến thức về nông nghiệp cũng là thụ động, chủ yếu theo kinh nghiệm chứ không được trang bị có hệ thống bài bản. Đứng trước những nội dung rất phức tạp của HDLKSXTTNS, người nông dân, mặc dù có những kinh nghiệm về sản

xuất nông nghiệp nhưng chưa chắc đã hiểu hết về cây trồng, vật nuôi, nông sản của mình.

- Mặc dù Nhà nước đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ, phổ biến pháp luật và trợ giúp pháp lý cho người nông dân (Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg; nay là Nghị định 98/2018/NĐ-CP), song hiệu quả vẫn còn hạn chế. Bên cạnh đó, công tác dự báo, cung cấp thông tin thị trường và hướng dẫn sản xuất nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, khiến người nông dân khó tiếp cận thông tin đầy đủ và kịp thời. Sự thiếu hụt thông tin này làm gia tăng rủi ro trong hoạt động sản xuất, tiêu thụ nông sản và làm suy giảm khả năng bảo vệ quyền lợi của người nông dân trong các quan hệ hợp đồng.

- Sự yếu thế của người nông dân trong hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản còn xuất phát từ tình trạng bất cân xứng thông tin. Doanh nghiệp thường là bên chủ động soạn thảo hợp đồng theo mẫu và nắm giữ nhiều thông tin hơn, trong khi người nông dân ít có cơ hội thương lượng hoặc được giải thích đầy đủ về nội dung hợp đồng. Điều này làm gia tăng nguy cơ chấp nhận các điều khoản bất lợi và hạn chế khả năng bảo vệ quyền lợi của người nông dân khi phát sinh tranh chấp.

4. Đề xuất giải pháp bảo vệ người nông dân trong hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản

Một trong những phương pháp hiệu quả nhất để bảo vệ người nông dân HĐLK SXTTNS là ban hành Bộ quy tắc trong ngành nông nghiệp làm hệ quy chiếu cho các loại HĐLK SXTTNS. Bộ quy tắc này nhằm định hướng cho mối quan hệ giữa người nông dân với doanh nghiệp. Bởi Bộ quy tắc được xem như là một cẩm nang cho hoạt động của các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông sản và trong hoạt động ký kết hợp đồng, có chứa đựng những giải pháp thuộc về cơ chế điều hành, quản lý của các cơ quan chính quyền trong việc hỗ trợ quá trình thực hiện HĐLK SXTTNS và nhằm bảo vệ tốt nhất lợi ích cho người nông dân nên địa chỉ ứng dụng của chúng là các tổ chức chính quyền đoàn thể địa phương - nơi có các hoạt động sản xuất nông sản như UBND cấp cơ sở, Hội nông dân, Hội phụ nữ, Trung tâm xúc tiến thương mại.

Bộ quy tắc định hướng cho người nông dân trong HĐLK SXTTNS

Doanh nghiệp có thể lập thỏa thuận với người nông dân với tư cách là một đại lý hoặc một thương

gia. Các thuật ngữ này được định nghĩa như sau:

- Đại lý là người thay mặt cho người nông dân bán các sản phẩm nông sản để hưởng tiền hoa hồng hoặc lệ phí.

- Thương gia là người mua sản phẩm nông sản để bán lại, trừ những người xuất khẩu hoặc bán lẻ sản phẩm.

Doanh nghiệp có thể là thương gia trong một giao dịch và là đại lý trong một giao dịch khác.

Các nội dung cụ thể như sau:

Thứ nhất, điều khoản mua bán

Doanh nghiệp phải chuẩn bị và công bố điều khoản mua bán: Doanh nghiệp phải công bố công khai các điều khoản, điều kiện mua nông sản áp dụng đối với người nông dân; đồng thời bảo đảm người nông dân được tiếp cận các thông tin này trước khi giao kết hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung phải được cập nhật và công khai kịp thời nhằm bảo đảm tính minh bạch trong quan hệ hợp đồng.

Nội dung các điều khoản mua bán của doanh nghiệp phải nêu rõ:

Điều khoản mua bán của doanh nghiệp phải quy định rõ vai trò của doanh nghiệp là đại lý, thương gia hoặc cả 2 (trong đó không được đồng thời vừa là đại lý vừa là thương gia trong cùng một giao dịch sản phẩm nông sản); các yêu cầu về giao hàng và chất lượng sản phẩm; các trường hợp doanh nghiệp được từ chối nhận hàng, thời hạn và trách nhiệm thông báo cho người nông dân; thời hạn thanh toán cho người nông dân đối với sản phẩm đã giao; thông tin về bảo hiểm sản phẩm (nếu có), bao gồm phạm vi bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm và mức bồi thường tối đa.

Đối với doanh nghiệp hoạt động với tư cách đại lý, điều khoản mua bán còn phải quy định căn cứ tính hoa hồng, phí đại lý, chi phí phát sinh, điều kiện thanh toán các khoản này và trách nhiệm của đại lý trong việc thu hồi các khoản nợ khó đòi cho người nông dân (nếu có).

Ngoài ra, điều khoản mua bán có thể bổ sung các thông tin khác phù hợp với Bộ quy tắc như tên doanh nghiệp, thông tin liên hệ, giờ làm việc và số giấy phép kinh doanh.

Thứ hai, thỏa thuận về sản phẩm nông sản

Những yếu tố cần thiết của một thỏa thuận về sản phẩm nông sản: Bộ quy tắc yêu cầu Thỏa thuận về sản phẩm nông sản phải được xác lập bằng văn bản trước khi các bên tiến hành giao dịch. Thỏa thuận

có thể được xây dựng dưới dạng hợp đồng ngắn hạn dẫn chiếu đến các điều khoản mua bán đã công bố hoặc hợp đồng độc lập với các điều khoản do các bên thỏa thuận. Dù được thể hiện dưới hình thức nào, thỏa thuận phải được các bên ký kết và tối thiểu phải xác định rõ tư cách giao dịch của doanh nghiệp (đại lý hoặc thương gia), các điều kiện giao nhận, chất lượng sản phẩm và các nội dung cơ bản khác liên quan đến quyền, nghĩa vụ của các bên.

Giao kết hợp đồng bằng văn bản: Việc mua bán nông sản chỉ được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản có chữ ký của các bên. Thỏa thuận phải quy định rõ tư cách giao dịch của doanh nghiệp, điều kiện giao nhận, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm và các quyền, nghĩa vụ cơ bản của các bên nhằm bảo đảm tính minh bạch và hạn chế tranh chấp.

Doanh nghiệp không thể vừa là đại lý vừa là thương gia trong cùng một thỏa thuận

Bộ quy tắc không cho phép doanh nghiệp giao dịch với tư cách vừa là đại lý vừa là thương gia trong cùng một thỏa thuận. Bộ quy tắc yêu cầu doanh nghiệp phải xác định những vấn đề cụ thể trong thỏa thuận về sản phẩm nông sản tùy thuộc vào việc doanh nghiệp đang giữ vai trò là đại lý hay thương gia theo thỏa thuận cụ thể đó.

Thỏa thuận trong đó doanh nghiệp là đại lý. Nếu doanh nghiệp là đại lý thì thỏa thuận phải nêu: Thời hạn mà đại lý sẽ chuyển cho người nông dân số tiền mà đại lý thu được qua việc bán sản phẩm của người nông dân; Thời hạn báo cáo cho thỏa thuận (đại lý phải cung cấp cho người nông dân văn bản nêu những thông tin cụ thể có liên quan đến sản phẩm của người nông dân mà đại lý nhận được trong thời hạn báo cáo)...

Thỏa thuận trong đó doanh nghiệp là thương gia. Nếu doanh nghiệp là thương gia thì thỏa thuận phải nêu: Giá của sản phẩm nông sản sẽ được thỏa thuận trước hoặc khi giao sản phẩm cho thương gia hay không. Thời hạn mà thương gia sẽ thanh toán tiền cho người nông dân về những sản phẩm của người trồng, thời hạn báo cáo của thỏa thuận (thời hạn được nêu trong thỏa thuận như là thời hạn mà thương gia phải báo cáo cho người trồng). Thời hạn gửi văn bản (thời hạn mà thương gia phải cung cấp văn bản cho người nông dân nêu lên những thông tin cụ thể về sản phẩm của người nông dân mà thương gia nhận được).

Doanh nghiệp có vấn cho người nông dân tìm kiếm tư vấn pháp lý độc lập.

Nếu thỏa thuận về sản phẩm nông sản là trong khoảng thời gian 90 ngày hoặc lâu hơn thì trước khi ký vào bản thỏa thuận, thương gia phải yêu cầu người nông dân cung cấp hoặc: Một văn bản đã được ký xác nhận người nông dân đã nhận được tư vấn pháp lý độc lập về thỏa thuận, hoặc Một văn bản đã được ký xác nhận người nông dân đã được báo về việc nên có tư vấn pháp lý độc lập nhưng đã quyết định là không làm vậy.

Khi một thỏa thuận về nông sản đã có hiệu lực trong 90 ngày hoặc lâu hơn: Doanh nghiệp phải yêu cầu người nông dân cung cấp văn bản đó trong thời hạn 14 ngày sau khi kết thúc thời hạn 90 ngày; Người nông dân phải tuân thủ theo yêu cầu của doanh nghiệp trong vòng 21 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Tuy nhiên, khi một thỏa thuận về nông sản đã có hiệu lực trong 90 ngày hoặc lâu hơn thì doanh nghiệp không buộc phải yêu cầu người nông dân cung cấp một văn bản như thế nếu như trước đó trong quá khứ doanh nghiệp đã yêu cầu người nông dân cung cấp một văn bản như thế trong hoàn cảnh tương tự.

Ngoài ra, một doanh nghiệp có thể, trước khi ký thỏa thuận với người trồng, yêu cầu người nông dân cung cấp một văn bản đã ký xác nhận họ đã nhận được tư vấn pháp lý độc lập về thỏa thuận được đề xuất không phụ thuộc vào thời hạn của hợp đồng..

Thứ ba, các quyền lợi và trách nhiệm chung của người nông dân và doanh nghiệp

Doanh nghiệp có nghĩa vụ tiếp nhận nông sản được giao đúng thỏa thuận, trừ các trường hợp từ chối đã được quy định trước trong hợp đồng; việc từ chối phải được thông báo kịp thời và nêu rõ lý do. Trong thời gian quản lý sản phẩm, doanh nghiệp phải bảo quản nông sản một cách cẩn trọng và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho người nông dân theo thỏa thuận. Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán hoặc không thanh toán, người nông dân có quyền tạm ngừng giao hàng hoặc chấm dứt hợp đồng sau khi đã thông báo cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, hợp đồng cần quy định rõ thời điểm chuyển quyền sở hữu đối với nông sản và cơ chế xác định giá nhằm bảo đảm tính minh bạch, hạn chế tranh chấp giữa các bên.

Thứ tư, các quyền lợi và trách nhiệm của đại lý sản phẩm nông sản

Ngoài các quyền lợi và trách nhiệm của doanh nghiệp được liệt kê ở trên, Bộ quy tắc quy định những nhiệm vụ cụ thể sau được áp dụng cho Doanh nghiệp kinh doanh với tư cách là đại lý. Đại lý có trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho người nông dân số tiền thu được từ việc bán nông sản sau khi trừ các khoản phí, hoa hồng đã được thỏa thuận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đại lý phải hành động trung thực, vì lợi ích tốt nhất của người nông dân, bảo đảm tính độc lập trong giao dịch và tránh xung đột lợi ích. Đồng thời, đại lý có nghĩa vụ thực hiện việc báo cáo, lưu giữ và cung cấp thông tin liên quan đến việc tiêu thụ nông sản theo thỏa thuận; hỗ trợ thu hồi các khoản nợ phát sinh trong phạm vi đã cam kết và tạo điều kiện để người nông dân kiểm tra, giám sát hoạt động đại lý khi cần thiết.

Trách nhiệm của đại lý nông sản: Đại lý phải thanh toán kịp thời cho người nông dân, thực hiện giao dịch vì lợi ích hợp pháp của người nông dân, bảo đảm tính minh bạch trong hoạt động mua bán và tránh xung đột lợi ích. Đại lý đồng thời có nghĩa vụ báo cáo, lưu giữ và cung cấp thông tin liên quan đến việc tiêu thụ nông sản, cũng như hỗ trợ xử lý các khoản nợ phát sinh theo thỏa thuận.

Thứ năm, quyền và nghĩa vụ của thương gia đối với nông sản.

Thương gia phải thỏa thuận bằng văn bản với người nông dân về giá mua nông sản trước hoặc tại

thời điểm giao hàng; giá mua phải được xác định cụ thể và không được ấn định sau khi sản phẩm đã được bán cho bên thứ ba. Thương gia không được thu các khoản phí, hoa hồng hoặc chi phí dịch vụ ngoài thỏa thuận, trừ các khoản khấu trừ theo quy định của pháp luật. Đồng thời, thương gia có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ thông tin về số lượng, chất lượng, thời điểm giao nhận và giá mua nông sản nhằm bảo đảm tính minh bạch trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Trách nhiệm của thương gia: Thương gia phải xác định rõ và thỏa thuận bằng văn bản về giá mua nông sản trước hoặc tại thời điểm giao hàng; không được áp đặt các khoản phí, hoa hồng ngoài thỏa thuận. Đồng thời, thương gia có nghĩa vụ cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về giao dịch nhằm bảo đảm tính minh bạch và bảo vệ quyền lợi của người nông dân.

5. Kết luận:

Một trong những phương pháp hiệu quả nhất để bảo vệ bên yếu thế - người nông dân trong HDLKSXTNS đó là ban hành Bộ quy tắc trong ngành nông nghiệp làm hệ quy chiếu cho các loại HDLKSXTNS. Bộ quy tắc này nhằm định hướng cho mối quan hệ giữa người nông dân với doanh nghiệp. Vấn đề không chỉ dừng lại ở việc tìm ra biện pháp pháp lý hữu ích bảo vệ quyền lợi người nông dân, mà tác giả cũng muốn hướng đến tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích các hoạt động thương mại nông sản phát triển■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2014). Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2002). Quyết định số 80/2002/QĐ-ttg ngày 24/6/2002 về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng.

Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012). Quyết định số 124/QĐ-ttg ngày 02/02/2012 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013). Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018). Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2021). Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 phê duyệt Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015). Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Food and Agriculture Organization of the United Nations (FAO). International Institute for the Unification of Private Law (UNIDROIT), & International Fund for Agricultural Development (IFAD). (2015). Legal guide on contract farming. UNIDROIT.

Pultrone C. (2012). An overview of contract farming: Legal issues and challenges. *Uniform Law Review*, 17(1–2), 263–289. <https://doi.org/10.1093/ulr/17.1-2.263>.

Ngày nhận bài: 05/5/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 20/5/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 05/6/2026

A GUIDING CODE OF CONDUCT FOR FARMERS IN AGRICULTURAL PRODUCTION AND MARKETING LINKAGE CONTRACTS

● **DO THI BONG**^{1,*}
● **NGUYEN TRUONG TAM**¹
● **DANG THI NHUNG**¹

¹Tay Nguyen University

*Email: dtbong@ttn.edu.vn

ABSTRACT:

This study proposes the development of a guiding code of conduct as a soft-law mechanism to regulate the behavior of parties throughout the formation, performance, and termination of agricultural production and marketing linkage contracts. The code contributes to enhancing transparency, ensuring a balance of rights and obligations between parties, preventing abuse of bargaining power, and improving the protection of farmers. The novelty of the study lies in constructing a framework for a guiding code specifically tailored to these contracts, based on a combination of international experience and Vietnam's legal and practical conditions. The study confirms that this approach is a feasible solution to strengthen the protection of vulnerable parties and promote the sustainable development of agricultural linkage models.

Keywords: contract, production linkage, agricultural marketing, guiding code of conduct.